

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường MN Nam Trung

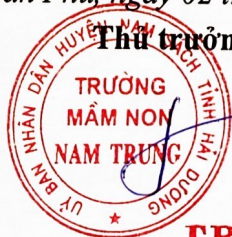
Năm học 2024 - 2025

(Thời gian công khai từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 01/9/2025)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tỷ lệ huy động trẻ đến trường	- 115/233 trẻ trong độ tuổi đến trường - đạt 49,4%	- 331/314 trẻ trong độ tuổi đến trường - Đạt trên 100%
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:	- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình Giáo dục theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bởi thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT. - 100% giáo viên các nhóm lớp thực hiện soạn giảng trên phần mềm giáo dục Gokisd. - Trẻ ăn bán trú: 446/446 trẻ - đạt 100% - 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng. Kết quả: + Trẻ cân nặng bình thường: 438/446 đạt tỷ lệ 98,2%. + Trẻ SDD thể nhẹ cân: 2/446 đạt tỷ lệ 0,5% + Trẻ thừa cân : 6/446 trẻ đạt tỷ lệ 1,35%. + Trẻ có chiều cao bình thường: 443/446 đạt tỷ lệ 99,3%. + Trẻ SDD thể thấp còi: 3/446 đạt tỷ lệ 0,6%	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 115/115 trẻ được theo dõi, đánh giá trẻ theo giai đoạn qua các lĩnh vực phát triển, kết quả: XL: Đạt: 115/115 trẻ -100%	- 331/331 trẻ được theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ qua đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo 5 lĩnh vực qua, kết quả: XL Đạt : 331/331 trẻ - 100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN	- Đảm bảo CSVC - Đảm bảo việc thực hiện chương trình GDMN - Đảm bảo 100% trẻ được an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ tại trường. - Tổ chức các chuyên đề, HĐ ngoại khóa, rèn kỹ năng sống. - Thực hiện hiệu quả hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	

Trần Phú, ngày 02 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

TRẦN THỊ HIỀN

CÔNG KHAI
Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên của trường MN
Nam Trung, năm học 2024 - 2025
(Thời gian công khai từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 01/9/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37			36	0	1		15	20	1	32	3		
I	Giáo viên	32			32	0	0		15	18		29	3		
1	Nhà trẻ	8			10	0	0		5	5		10			
2	Mẫu giáo	24			22	0	0		10	13		19	3		
II	Cán bộ quản lý	3			3					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1			1					0	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2	0	2			
III	Nhân viên	2			1		1		1						
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác														

Trần Phú, ngày 02 tháng 06 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN THỊ HIÊN

CÔNG KHAI

Thông tin cơ sở vật chất của trường MN Nam Trung

Năm học 2024 - 2025

(Thời gian công khai từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 01/9/2025)

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	Ghi chú
I	Diện tích				
1	Diện tích đất	6383m ²	14,3m ²	12 m ² /trẻ em	
2	Điểm trường	01			
II	Khối phòng hành chính, quản trị				
1	Phòng hiệu trưởng	1		1	
2	Phòng phó hiệu trưởng	1		1	
3	Phòng bảo vệ - y tế	1		1	
4	Phòng nhân viên kế toán	1		1	
III	Khối công trình chung				
1	Khu vệ sinh cán bộ, giáo viên, nhân viên	2		2	
2	Khu để xe của CBGV-NV	1		1	
IV	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.				
1	Phòng học nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục	16		16	
2	Phòng vệ sinh	16		16	
3	Thư viện	1		1	
4	Phòng thể chất	1		1	
5	Phòng nghệ thuật	1		1	
6	Các công trình, khối phòng chức năng khác	1		1	Khu PTVĐ
7	Nhà bếp	1		1	
V	Khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật				
1	Phòng họp HĐ	1		1	
2	Nhà kho	1		1	
3	Sân vườn	1		1	
4	Cổng, hàng rào	3		1	

VI	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định				
1	Dành cho nhóm Nhà trẻ	100		115	
2	Dành cho lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	60		81	
3	Dành cho lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	130		136	
4	Dành cho lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	100		114	
VII	Số lượng đồ chơi ngoài trời (Đơn vị tính: Bộ)				
1	Bộ đồ chơi liên hoàn	1			
2	Nhà bóng	1			
3	Xích đu	1			
4	Thú nhún				
5	Cầu thăng bằng	1			
II	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác				
1	Điều hoà	35			
2	Ti vi	17			
3	Bình nóng lạnh	6			
4	Máy photo	01			
5	Máy in	10			
6	Máy tính	7			

Trần Phú, ngày 02 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



[Handwritten signature]

**HIỆU TRƯỞNG
TRẦN THỊ HIÊN**

CÔNG KHAI

Kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Năm học 2024 - 2025

(Thời gian công khai từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 01/9/2025)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	446			115	81	136	114
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	446			115	81	136	114
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	446			115	81	136	114
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	446			115	81	136	114
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	446			115	81	136	114
1	Số trẻ cân nặng bình thường	438			114	79	134	111
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2				1	1	
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	443			115	80	134	114
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3				1	2	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	6			1	1	1	3
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	446			115	81	136	114
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	115			115			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	331				81	136	114

Trần Phú, ngày 02 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN THỊ HIÊN